

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng công bố thông tin

Đối tượng công bố thông tin bao gồm: Công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và người có liên quan.

2. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

2.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

2.2. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

2.3. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), SGDCK về nội dung thông tin công bố, cụ thể như sau:

2.3.1. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN;

2.3.2. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng/công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK;

2.3.3. Ngày nộp báo cáo công bố thông tin là ngày gửi tính theo dấu của bưu điện, ngày gửi fax, gửi Email, ngày công khai trên Website hoặc là ngày ghi trên giấy biên nhận nộp báo cáo công bố thông tin.

2.4. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Mục I Thông tư này phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN.

2.5. SGDCK định kỳ hàng quý phải lập báo cáo tổng hợp về việc chấp hành các quy định pháp luật về công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch và công ty chứng khoán thành viên gửi UBCKNN.

2.6. SGDCK cung cấp thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch cho các công ty chứng khoán thành viên. Các công ty chứng khoán thành viên có trách nhiệm cung cấp ngay các thông tin trên một cách đầy đủ cho nhà đầu tư.

3. Người được uỷ quyền công bố thông tin

Công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán phải đăng ký người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư

này. Trường hợp thay đổi người được uỷ quyền công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi có sự thay đổi.

4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

4.1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

4.1.1. Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (Website) và các ấn phẩm khác của tổ chức thuộc đối tượng công bố thông tin;

4.1.2. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: trang thông tin điện tử, bản tin và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

4.1.3. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: bản tin thị trường chứng khoán, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

4.1.4. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

4.3. Các đối tượng công bố thông tin nêu tại khoản 1 Mục I Thông tư này (trừ cá nhân) phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính định kỳ phải công bố theo quy định và các vấn đề liên quan đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, trang thông tin điện tử phải thường xuyên cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định tại Thông tư này. Các đối tượng công bố thông tin phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.

5. Tạm hoãn công bố thông tin

5.1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng, các đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

5.2. Việc tạm hoãn công bố thông tin phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và tổ chức công bố thông tin, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

6. Bảo quản, lưu giữ thông tin

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Công bố thông tin định kỳ

1.1. Chậm nhất là 10 ngày, kết thúc thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính năm, công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính.

1.2. Nội dung công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm được quy định cụ thể như sau:

1.2.1. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và Báo cáo kiểm toán. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong thuyết minh báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến phụ lục, phụ lục phải được công bố cùng thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định Chuẩn mực kế toán số 26, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 26. Thuyết minh báo cáo tài chính phải có báo cáo bộ phận theo quy định Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 28. Trong trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với đồng tiền Việt Nam thì công ty đại chúng phải công bố đồng thời Báo cáo tài chính bằng đồng tiền ghi sổ và bằng đồng tiền Việt Nam;

1.2.2. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của một tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật kế toán;

1.2.3. Ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm chậm nhất là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của Luật Kế toán;

1.2.4. Công ty đại chúng phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này và công bố chậm nhất hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn hoàn thành Báo cáo tài chính năm;

1.2.5. Báo cáo tài chính năm, Báo cáo thường niên của công ty đại chúng được lập bằng tiếng Việt (và bản dịch tiếng Anh - nếu có), phải công bố trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và lưu trữ ít nhất mười (10) năm tại trụ sở chính của tổ chức để nhà đầu tư tham khảo;

1.2.6. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về báo cáo tài chính năm quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục II Thông tư này trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và SGDC (đối với công ty niêm yết) đồng thời đăng tải toàn văn Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính hoặc địa chỉ cung cấp báo cáo tài chính để nhà đầu tư tham khảo.

2. Công bố thông tin bất thường

2.1. Công ty đại chúng công bố thông tin bất thường theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 101 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

2.1.1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng kinh doanh;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

d) Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 104 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu của công ty mình hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; về ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp, kết quả các đợt phát hành riêng lẻ của công ty đại chúng;

e) Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc/Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

g) Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị về mức cổ tức được trả;

h) Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hoặc Ban Giám đốc, Kế toán trưởng).

2.1.2. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo gần nhất trở lên;

b) Quyết định của Hội đồng quản trị về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; quyết định thay đổi phương pháp kế toán áp dụng;

c) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

d) Quyết định về việc thành lập, mua, bán hoặc giải thể công ty con, đầu tư vào công ty liên kết.

2.2. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại điểm 2.1.1 và 2.1.2 khoản 2 Mục II Thông tư này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

2.3. Công ty đại chúng khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

3.1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin theo qui định tại khoản 4 Điều 101 Luật Chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, bao gồm các sự kiện sau đây:

3.1.1. Có thông tin liên quan đến công ty đại chúng ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

3.1.2. Có thông tin liên quan đến công ty đại chúng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;

3.2. Công ty đại chúng phải công bố thông tin theo yêu cầu thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng, qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó.

4. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

4.1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng phải báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn theo quy định tại Điều 29 Luật Chứng khoán và Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này.

4.2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày thực hiện giao dịch (kể cả trường hợp cho, tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...), hoặc không thực hiện giao dịch nhưng có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành phải thực hiện báo cáo theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư này cho công ty đại chúng, UBCKNN và SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch).

4.3. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi có sự thay đổi đầu tiên về số lượng cổ phiếu sở hữu làm cho tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan không còn là cổ đông lớn thì phải thực hiện báo cáo cho công ty đại chúng, UBCKNN và SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và trước thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày hoàn tất sự thay đổi trên.

5. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty đại chúng muốn mua lại cổ phiếu của chính mình làm cổ phiếu quỹ hoặc bán cổ phiếu quỹ phải báo cáo UBCKNN và SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) theo Phụ lục 05 kèm theo Thông tư này, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng/phương tiện công bố thông tin của SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), chậm nhất bảy (07) ngày trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch (trừ trường hợp công ty đại chúng mua cổ phiếu của chính mình làm cổ phiếu quỹ để ổn định thị trường theo kế hoạch đã được UBCKNN chấp thuận).

Công ty đại chúng khi hoàn tất việc mua lại cổ phiếu của chính mình làm cổ phiếu quỹ hoặc bán cổ phiếu quỹ, phải báo cáo kết quả thực hiện cho UBCKNN và SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) trong vòng mười (10) ngày, kể từ ngày kết thúc giao dịch và thực hiện công bố thông tin. Trường hợp không thực hiện hết khối lượng đăng ký, công ty đại chúng phải giải trình nguyên nhân. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục 06 kèm theo Thông tư này.

6. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp

6.1. Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp phải gửi thông báo cho UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và công ty đại chúng về việc thực hiện giao dịch chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi giao dịch theo Phụ lục 07 kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc chuyển nhượng trên.

6.2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, cổ đông sáng lập thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN và SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và công ty đại chúng về kết quả thực hiện giao dịch theo Phụ lục 08 kèm theo Thông tư này. Nếu giao dịch không được thực hiện, cổ đông sáng lập phải báo cáo lý do với UBCKNN và SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và công ty đại chúng trong vòng ba (03) ngày làm việc, kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

7. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty đại chúng bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và Thông tư hướng dẫn về chào mua công khai.

8. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

8.1. Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng.

8.2. Trong quá trình sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, công ty đại chúng phải báo cáo UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, công ty đại chúng phải công bố thông tin về lý do và Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc của đại hội đồng cổ đông.

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THỰC HIỆN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Thời gian công bố thông tin

Tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng (tổ chức phát hành trái phiếu) công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này trong khoảng thời gian từ khi phát hành trái phiếu ra công chúng đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.

2. Nội dung công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu

2.1. Công bố thông tin định kỳ

Tổ chức phát hành trái phiếu phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại khoản 1 Mục II Thông tư này.

2.2. Công bố thông tin bất thường

2.2.1. Tổ chức phát hành trái phiếu phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại tiết a, b và c điểm 2.1.1 và 2.1.2 khoản 2 Mục II Thông tư này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành trái phiếu và trên trang thông tin điện tử của UBCKNN;

2.2.2. Tổ chức phát hành trái phiếu khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ nguyên nhân và nội dung sự kiện xảy ra, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

3.1. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin trước khi chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

3.2. Trong quá trình sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải báo cáo UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết) và công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết) về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về lý do và người ra quyết định thay đổi.

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Công bố thông tin định kỳ

1.1. Tổ chức niêm yết công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại khoản 1 Mục II Thông tư này (và bản dịch tiếng Anh - nếu có). Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

1.2. Tổ chức niêm yết công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính quý được lập bằng tiếng Việt (và bản dịch tiếng Anh - nếu có) trong thời hạn hai làm (25) ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp tổ chức niêm yết là công ty mẹ phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì thời hạn công bố thông tin là năm mươi (50) ngày, kết thúc quý. Nội dung cụ thể như sau:

1.2.1. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính quý của tổ chức niêm yết bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán;

Thuyết minh báo cáo tài chính quý phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật và được lập theo quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Trường hợp trong thuyết minh báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến phụ lục, phụ lục phải được công bố cùng thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định Chuẩn mực kế toán 26, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán 26. Thuyết minh báo cáo tài chính phải có báo cáo bộ phận theo quy định Chuẩn mực kế toán 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán 28;

1.2.2. Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên, tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý;

1.2.3. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì tổ chức niêm yết đó phải nộp cho UBCKNN, SGDK báo cáo tài chính quý của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán;

1.2.4. Tổ chức niêm yết phải công bố việc nộp báo cáo tài chính quý thông qua phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDK đồng thời ghi rõ địa chỉ liên kết tới trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính quý hoặc địa chỉ cung cấp báo cáo tài chính quý để nhà đầu tư tham khảo;

1.2.5. Báo cáo tài chính quý của tổ chức niêm yết phải công bố trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của tổ chức niêm yết và phải lưu trữ ít nhất trong vòng mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của tổ chức để nhà đầu tư tham khảo.

1.3. Tổ chức niêm yết phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên (sáu tháng đầu năm) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán số 910 (và bản dịch tiếng Anh - nếu có) trong thời hạn bốn mươi làm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 hàng năm. Trường hợp tổ chức niêm yết là công ty mẹ phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì thời hạn công bố thông tin là sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 hàng năm.

Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDK và trang thông tin điện tử của tổ chức niêm yết và phải lưu trữ ít nhất trong vòng mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của tổ chức để nhà đầu tư tham khảo.

1.4. Tổ chức niêm yết phải công bố đầy đủ toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông trước khi khai mạc họp đại hội cổ đông chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc.

2. Công bố thông tin bất thường

2.1. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm 2.1.1 khoản 2 Mục II Thông tư này và khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

2.1.1. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch bị tổn thất tài sản có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên;

2.1.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của tổ chức niêm yết vào một tổ chức khác; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng vốn của công ty nhận vốn góp;

2.1.3. Khi có các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của tổ chức niêm yết;

2.1.4. Quyết định đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

2.1.5. Quyết định thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính công ty;

2.1.6. Khi giá cổ phiếu tăng trần hoặc giảm sàn năm (05) phiên liên tiếp mà không theo xu hướng chung của thị trường hoặc giá cổ phiếu niêm yết tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên, tổ chức niêm yết phải công bố các sự kiện liên quan có ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu;

2.1.7. Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

2.2. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm 2.1.2 khoản 2 Mục II Thông tư này.

2.3. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại điểm 2.1 và 2.2 khoản 2 Mục IV Thông tư này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của tổ chức niêm yết và trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

2.4. Tổ chức niêm yết khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

3.1. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Mục II Thông tư này trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

3.2. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của tổ chức niêm yết, qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân; mức độ xác thực của sự kiện đó.

4. Công bố thông tin về giao dịch của các cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và cổ đông lớn

4.1. Cổ đông nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; Cổ đông lớn của công ty; Người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

4.2. Các đối tượng quy định tại khoản 4.1 Mục IV Thông tư này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu của tổ chức niêm yết hoặc cổ phiếu của tổ chức giao dịch trên thị trường đại chúng chưa niêm yết, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (cho, tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...(ngoại trừ giao dịch cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của nhà đầu tư)) phải báo cáo UBCKNN, SGDCK trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá hai (02) tháng, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục 09 và Phụ lục 10 kèm theo Thông tư này.

4.3. Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết về kết quả thực hiện giao dịch theo Phụ lục 11 và Phụ lục 12 kèm theo Thông tư này.

4.4. Trường hợp không thực hiện được giao dịch, trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, các đối tượng quy định tại điểm 4.1 khoản này phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về lý do không thực hiện được giao dịch.

5. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Đối với các thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, tổ chức niêm yết phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan cho SGDCK, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ít nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

6. Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty

Tổ chức niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý và năm cho UBCKNN, SGDCK về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định tại Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ

Tài Chính về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các tổ chức niêm yết trên SGDK. Báo cáo quý về việc thực hiện quản trị công ty được lập theo Phụ lục 13 kèm theo Thông tư này. Thời hạn nộp báo cáo quý là trước ngày thứ ba mươi (30) của tháng đầu quý tiếp theo. Báo cáo năm về thực hiện quản trị công ty được lập và nộp theo quy định về Báo cáo thường niên tại điểm 1.4 khoản 1 Mục II Thông tư này.

V. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công bố thông tin định kỳ

1.1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm kèm theo toàn bộ báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3 và 1.4 khoản 1 Mục II Thông tư này.

1.2. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN.

1.3. Hàng quý, công ty chứng khoán phải công bố thông tin về danh mục và giá các loại chứng khoán chưa niêm yết mà công ty làm môi giới giao dịch trong vòng 10 ngày đầu tháng tiếp theo trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của công ty.

2. Công bố thông tin bất thường

2.1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra, hoặc phát hiện ra một trong các sự kiện sau đây:

2.1.1. Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, người điều hành quỹ đầu tư chứng khoán;

2.1.2. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

2.1.3. Tạm ngừng kinh doanh;

2.1.4. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

2.1.5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hợp đồng sáp nhập với một công ty khác;

2.1.6. Công ty bị tổn thất từ mười phần trăm (10%) giá trị tài sản trở lên;

2.1.7. Công ty có sự thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc; công ty bổ nhiệm hay miễn nhiệm người điều hành quỹ đầu tư chứng khoán;

2.1.8. Công ty có những thay đổi quan trọng trong hoạt động kinh doanh, bao gồm:

a) Thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Người điều hành quỹ đại chúng bị thu hồi chứng chỉ hành nghề;

c) Lâm vào tình trạng phá sản; quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền;

d) Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc vốn góp chiếm từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp;

đ) Tạm ngừng hoạt động; quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

e) Quyết định hợp nhất, chia, tách, góp vốn liên doanh, chuyển đổi công ty;

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; thay đổi tên công ty;

h) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ;

i) Quyết định tăng thêm, ngừng hoặc rút bớt một hoặc một số loại hình kinh doanh và dịch vụ

k) Quyết định lập hay đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch; thay đổi địa điểm trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch;

l) Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc công ty bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2.2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại điểm 2.1 khoản này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

2.3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

3.1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

3.2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, qua phương tiện công bố thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

3.3. Công ty chứng khoán phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh về các thay đổi liên quan đến địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Luật Chứng khoán.

VI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẠI CHỨNG

Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng

1.1. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài sản năm của quỹ đại chúng trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày báo cáo tài sản được kiểm toán theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

1.1.1. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài sản năm của quỹ đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ đầu tư chứng khoán;

1.1.2. Ngày hoàn thành báo cáo tài sản năm của quỹ đại chúng được tính từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài sản năm của quỹ đại chúng chậm nhất là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

1.1.3. Báo cáo tài sản năm của quỹ đại chúng phải lưu trữ ít nhất mười (10) năm tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư tham khảo;

1.1.4. Công ty quản lý quỹ phải công bố việc nộp báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tài sản năm của quỹ đại chúng trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc và thông qua phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK đồng thời ghi rõ địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn văn báo cáo tài chính hoặc địa chỉ cung cấp báo cáo tài chính để nhà đầu tư tham khảo.

1.2. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng, cụ thể như sau:

1.2.1 Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng hàng tuần, tháng, quý và hàng năm theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;

1.2.2. Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tài sản của quỹ đại chúng hàng tháng, quý và hàng năm theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;

1.2.3. Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tình hình và kết quả hoạt động đầu tư của quỹ đại chúng hàng tháng, quý và hàng năm theo quy định của chế độ kế toán hiện hành trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK;

1.2.4. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại điểm 1.2.1, 1.2.2 và 1.2.3 khoản này như sau:

a) Báo cáo tuần phải báo cáo và công bố thông tin trong ngày làm việc đầu tiên của tuần tiếp theo;

b) Báo cáo tháng phải báo cáo và công bố thông tin trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng;

c) Báo cáo quý phải báo cáo và công bố thông tin trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

d) Báo cáo năm phải báo cáo và công bố thông tin trong thời hạn một trăm (100) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng

2.1. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây của quỹ đại chúng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo SGDCK để các tổ chức này công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Chứng khoán:

2.1.1. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

2.1.2. Quyết định chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng;

2.1.3. Quỹ đại chúng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;

2.1.4. Quyết định thay đổi vốn đầu tư của quỹ đại chúng;

2.1.5. Bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng ra công chúng;

2.1.6. Bị đình chỉ, huỷ bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng;

2.1.7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Bản cáo bạch quỹ đại chúng;

2.1.8. Thay đổi Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người điều hành quỹ đại chúng.

2.2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại điểm 2.1 khoản này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

2.3. Công ty quản lý quỹ khi công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng

3.1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

3.1.1. Có tin đồn phản ánh đến UBCKNN hoặc SGDCK liên quan tới việc chào bán, giá chứng chỉ quỹ đại chúng;

3.1.2. Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng;

3.2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về quỹ đại chúng theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, qua phương tiện công bố thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

4. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu

Đối với các thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu của quỹ đại chúng niêm yết, công ty quản lý quỹ phải báo cáo và nộp đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan cho SGDCK, TTLKCK ít nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để công bố thông tin.

5. Công bố thông tin về giao dịch chứng chỉ quỹ của các đối tượng có liên quan

5.1. Các đối tượng có liên quan đến giao dịch chứng chỉ quỹ bao gồm: sáng lập viên, thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Ban Tổng Giám đốc của công ty quản lý quỹ, người điều hành quỹ đầu tư đại chúng, nhân viên công bố thông tin của quỹ đầu tư đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến những đối tượng này theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

5.2. Các đối tượng có liên quan quy định tại điểm 5.1 khoản này khi dự kiến giao dịch chứng chỉ quỹ hoặc quyền mua chứng chỉ quỹ của mình, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (cho, tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm...) phải báo cáo UBCKNN, SGDCK trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá hai (02) tháng, kể từ

ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục 14 và Phụ lục 15 kèm theo Thông tư này.

5.3. Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK về kết quả giao dịch theo Phụ lục 16 và Phụ lục 17 kèm theo Thông tư này. Trường hợp không thực hiện giao dịch, các đối tượng có liên quan quy định tại điểm 5.1 khoản này phải báo cáo lý do với UBCKNN, SGDCK trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến thực hiện giao dịch.

VII. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải công bố thông tin theo quy định tại Mục IV và Mục VI Thông tư này.

VIII. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SGDCK

SGDCK công bố thông tin theo quy định tại Điều 107 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

1. Thông tin về giao dịch chứng khoán tại SGDCK

1.1. Thông tin trong giờ giao dịch:

1.1.1. Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch;

1.1.2. Giá đóng cửa ngày hôm trước, giá mở cửa/đóng cửa của từng phiên/ngày, giá thực hiện, giá dự kiến (trường hợp khớp lệnh định kỳ), mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán;

1.1.3. Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó.

1.2. Thông tin định kỳ trong ngày giao dịch:

1.2.1. Tình trạng các loại chứng khoán;

1.2.2. Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch trong ngày;

1.2.3. Chỉ số giá tổng hợp Vn-Index, Hnx-Index và Upcom – Index; mức và biến động Vn-Index, Hnx-Index và Upcom - Index so với ngày giao dịch trước đó;

1.2.4. Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch;

1.2.5. Số lượng lệnh, số lượng đặt mua/bán, giá trị tương ứng với mỗi loại chứng khoán;

1.2.6. Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo đợt khớp lệnh; ngày giao dịch);

1.2.7. Giá, khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện của từng loại chứng khoán:

a) Khớp lệnh (theo từng đợt khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

b) Thoả thuận (nếu có);

c) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

d) Giao dịch mua, bán lại cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có).

1.2.8. Tỷ lệ nắm giữ chứng khoán của người nước ngoài và giới hạn còn được mua đối với từng loại chứng khoán;

1.2.9. Thông tin về mười (10) cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và mười (10) cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất;

1.2.10. Thông tin giao dịch của mười (10) cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và mười (10) cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất;

1.2.11. Thông tin về trái phiếu giao dịch bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện, lợi suất hiện hành, lợi suất đáo hạn;

1.2.12. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của các cổ phiếu niêm yết và thay đổi so với ngày giao dịch trước;

1.2.13. Các thông tin khác phải công bố theo yêu cầu của UBCKNN.

2. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK; thông tin về công ty chứng khoán thành viên; công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng/công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trên SGDCK

2.1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

2.1.1. Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:

- a) Thông tin về niêm yết lần đầu, đăng ký giao dịch;
- b) Thông tin về huỷ niêm yết, đăng ký giao dịch;
- c) Thông tin về thay đổi niêm yết, đăng ký giao dịch;
- d) Thông tin về niêm yết lại;
- đ) Thông tin về xử phạt đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;
- e) Các thông tin khác mà SGDCK thấy cần thiết.

2.1.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch về ngày đăng ký cuối cùng theo quy định tại khoản 1, 2 và 3, Mục IV Thông tư này.

2.2. Thông tin về công ty chứng khoán là thành viên SGDCK

2.2.1. Thông tin chung về thành viên:

- a) Thông tin về kết nạp thành viên;
- b) Thông tin về xử phạt thành viên, đại diện giao dịch (nếu có);
- c) Thông tin về chấm dứt tư cách thành viên;
- d) Các thông tin khác.

2.2.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu về công ty chứng khoán thành viên theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Mục V Thông tư này.

2.3. Thông tin về công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng/công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

2.3.1. Thông tin chung về công ty quản lý quỹ:

- a) Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ;
- b) Thông tin về số lượng quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán mà công ty quản lý quỹ quản lý;
- c) Thông tin về xử phạt đối với công ty quản lý quỹ;
- d) Các thông tin khác.

2.3.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu về công ty quản lý quỹ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Mục V Thông tư này.

2.4. Thông tin về Quỹ đại chúng

2.4.1. Thông tin chung về quỹ đại chúng:

- a) Thông tin về số lượng quỹ đại chúng;
- b) Các thông tin khác.

2.4.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu về quỹ đại chúng theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Mục VI Thông tư này

2.5. Thông tin về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

2.5.1. Thông tin chung về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- a) Thông tin về số lượng công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- b) Thông tin về xử phạt công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- c) Các thông tin khác.

2.5.2. Các thông tin theo quy định tại Mục VII Thông tư này.

3. Thông tin giám sát hoạt động của thị trường chứng khoán

3.1. Thông tin giám sát hoạt động của thị trường chứng khoán bao gồm:

3.1.1. Thông tin về tạm ngừng giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết;

3.1.2. Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo hoặc không còn bị cảnh báo;

3.1.3. Thông tin về giao dịch làm thay đổi từ một phần trăm (1%) trở lên (tăng, giảm) tỷ lệ sở hữu số cổ phiếu cùng loại đang lưu hành của các cổ đông lớn; Thông tin về giao dịch của tổ chức, cá nhân hoặc người có liên quan có ý định nắm giữ tới hai mươi lăm phần trăm (25%) vốn cổ phần hoặc đang nắm giữ từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên vốn cổ phần của một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch; Thông tin về giao dịch chào mua công khai cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

3.1.4. Thông tin về giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan;

3.1.5. Thông tin giải trình của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch về trường hợp giá cổ phiếu tăng trần hoặc giảm sàn năm (05) phiên liên tiếp mà không theo xu hướng chung của thị trường hoặc trường hợp giá cổ phiếu niêm yết tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên;

3.1.6. Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

3.1.7. Thông tin về xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động thị trường chứng khoán;

3.1.8. Các hướng dẫn, thông báo của UBCKNN, SGDCK về quản lý, giám sát thị trường.

3.2. SGDCK phải công bố thông tin về sự kiện tại khoản 2 và điểm 3.1 khoản 3 Mục VIII của Thông tư này ngay khi xảy ra sự kiện hoặc ngay sau khi nhận được báo cáo hoặc thông báo công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Những quy định về công bố thông tin tại các văn bản khác do Bộ Tài chính ban hành trái với quy định tại Thông tư này sẽ bị hủy bỏ và áp dụng theo quy định của Thông tư này.

2. UBCKNN, SGDCK các công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng TW;
- Viện Kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website BTC;
- Lưu: VT, UBCKNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**
(Đã ký)

Trần Xuân Hà

Phụ lục số I
GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày ... tháng... năm...

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán

Tên giao dịch của tổ chức, công ty:-----
Địa chỉ liên lạc:-----
Điện thoại :-----Fax:-----

(Tên nhân viên)

Sau đây chứng nhận: Ông (Bà)-----
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu):-----
Địa chỉ thường trú:-----
Chức vụ tại tổ chức, công ty:-----

(Tên tổ chức, công ty)

Là người được :----- uỷ quyền làm “ Người công bố thông tin” của -----
(Tên tổ chức, công ty)

Giấy uỷ quyền này có hiệu lực cho đến khi có thông báo huỷ bỏ bằng văn

(Tên tổ chức, công ty)
bản của ----- .

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng/tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng/tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch/ công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ/ công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Năm báo cáo..

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- + Việc thành lập
- + Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần (nếu có)
- + Niêm yết
- + Các sự kiện khác

2. Quá trình phát triển

- + Ngành nghề kinh doanh
- + Tình hình hoạt động

3. Định hướng phát triển

- + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
- + Chiến lược phát triển trung và dài hạn

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh
- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động)

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có)

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Các biện pháp kiểm soát.....

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Trong trường hợp doanh nghiệp có công ty con và công ty liên kết mà trong đó doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát và/hoặc chi phối, thì thuyết trình báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của doanh nghiệp mẹ trước hợp nhất cùng các thuyết minh tài chính đi kèm. Báo cáo tài chính sau hợp nhất và trước hợp nhất có thể trình bày riêng cho từng báo cáo hoặc trình bày gộp trên một mẫu, các chi tiêu được trình bày riêng cho trước hợp nhất và sau hợp nhất.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập
- Ý kiến kiểm toán độc lập
- Các nhận xét đặc biệt.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành
- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm
- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty
- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...)
- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty
- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.
- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.
- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập
- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

Phụ lục số III

BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Tên nhà đầu tư cá nhân/tổ chức:
2. Nếu là nhà đầu tư cá nhân:
- Năm sinh

Quốc tịch

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Ngành nghề kinh doanh:
- Tài khoản chứng khoán:
- 2. Người có liên quan đồng sở hữu: (trong hợp đồng sở hữu với người có liên quan):
- Họ và tên người có liên quan:
- Số CMND/Hộ chiếu:.....ngày cấp:.....tại:.....
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có):
- Mọi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:
- 3. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán sở hữu:
- 4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ hoặc cùng người có liên quan nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
- 5. Số lượng cổ phiếu đã bán/mua/cho/tặng (làm thay đổi tỷ lệ sở hữu):
- 6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu cá nhân/tổ chức đầu tư nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
- 7. Số lượng cổ phiếu người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: (trong trường hợp đồng sở hữu với người có liên quan)
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: (trong trường hợp đồng sở hữu với người có liên quan)
- 9. Lý do thay đổi sở hữu:
- 10. Ngày thay đổi sở hữu:
- 11. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có):

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số V

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

Công ty đại chúng:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Vốn điều lệ:

Căn cứ Nghị quyết hội đồng quản trị/Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc mua /bán cổ phiếu quỹ. Chúng tôi đăng ký mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ/bán cổ phiếu quỹ của công ty (tại SGDCK) với nội dung sau:

Mã chứng khoán (nếu có):

Mệnh giá:

Tổng số cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

Tổng số lượng đăng ký mua/bán lại:

Mục đích:

Nguồn vốn (trong trường hợp mua lại):

Thời gian dự kiến giao dịch: từ ngày....đến ngày.

Phương thức giao dịch:

Nguyên tắc xác định giá:

Tên công ty chứng khoán được ủy quyền thực hiện việc mua/bán:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản thực hiện giao dịch:

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành./.

Tài liệu đính kèm :
- Nghị quyết HĐQT/ĐHCHĐ
- Tài liệu chứng minh nguồn vốn để mua lại cổ phiếu

Đại diện Công ty
Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số VI
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

Công ty đại chúng:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ/bán cổ phiếu quỹ (tại SGDCK) với nội dung sau:

Tên Công ty chứng khoán được ủy quyền thực hiện giao dịch:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản thực hiện giao dịch:

Mã chứng khoán (nếu có):

Mệnh giá:

Số lượng đăng ký mua/bán lại:

Số lượng đã thực hiện:

Thời gian thực hiện: từ ngày.....đến ngày

Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi đăng ký giao dịch:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có:

Nguồn vốn để mua lại:

Nguyên tắc xác định giá:

Phương thức giao dịch:

* (Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng đăng ký, Công ty phải giải trình nguyên nhân.)

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành.

Đại diện Công ty
Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số VII
THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Tên của người thực hiện chuyển nhượng:

Số chứng minh thư/số hộ chiếu của người thực hiện chuyển nhượng (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức):

Số tài khoản giao dịch:

Điện thoại liên hệ:

Fax:

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:

2. Mã chứng khoán giao dịch:

3. Phương thức thực hiện giao dịch:

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

5. Tên của người nhận chuyển nhượng (*):

Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu của người nhận chuyển nhượng (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức):

Số tài khoản giao dịch:

Điện thoại liên hệ:

Fax:

Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có):

Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có):

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu đang nắm giữ:

6. Số lượng cổ phiếu thực hiện giao dịch:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch:

8. Thời gian dự kiến thực hiện: từ ngày đến ngày.....

(*): Trong trường hợp người được chuyển nhượng không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện giao dịch phải gửi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho việc chuyển nhượng trên.

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIII
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Tên của người thực hiện chuyển nhượng:
Số chứng minh thư/số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức):
Số tài khoản giao dịch:
Mã chứng khoán giao dịch:
Số lượng cổ phiếu đã thực hiện giao dịch:
Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện:
2. Tên của người nhận chuyển nhượng:
Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức):
Số tài khoản giao dịch:
Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện:
3. Thời gian thực hiện: từ ngày đến ngày.....

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Kính gửi :
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư/số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người/tổ chức thực hiện giao dịch:
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:
5. Mã chứng khoán giao dịch:
6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
7. Số tài khoản giao dịch :
8. Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:
9. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người có liên quan:
10. Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có):
11. Quan hệ của người/tổ chức thực hiện giao dịch với người có liên quan :
12. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ;
13. Số lượng cổ phiếu đăng ký bán/mua:
14. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
15. Mục đích thực hiện giao dịch:
16. Phương thức giao dịch:
17. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số X

THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
 2. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người/ tổ chức thực hiện giao dịch:
 3. Điện thoại liên hệ: Fax:
 4. Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:
 5. Mã chứng khoán giao dịch:
 6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện quyền mua:
 7. Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:
 8. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người có liên quan:
 9. Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có):
 10. Quan hệ của người/tổ chức thực hiện giao dịch với người có liên quan:
 11. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ;
 12. Số lượng quyền mua cổ phiếu đăng ký bán/mua:
 13. Số lượng cổ phiếu dự kiến mua tương ứng với số quyền mua sau khi chuyển nhượng, cho, tặng... (*):
 14. Số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua:
 15. Phương thức giao dịch:
 16. Thời gian dự kiến thực hiện: từ ngày đến ngày.....
- (*): Là số cổ phiếu dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu dự kiến mua là 200.

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số XI BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán
Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch: **CỔ ĐỒNG NỘI BỘ**
2. Số chứng minh thư/số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người/tổ chức thực hiện giao dịch: **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
5. Mã chứng khoán giao dịch: **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:-----
7. Số tài khoản giao dịch: /
8. Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch: ... ngày ... tháng ... năm.....
9. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người có liên quan:
10. Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có):
11. Quan hệ của người/tổ chức thực hiện giao dịch với người có liên quan :
12. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ;
13. Số lượng cổ phiếu đã đăng ký bán/mua:
14. Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (bán/mua):
14. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
15. Phương thức giao dịch:
16. Mục đích thực hiện giao dịch:
17. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

** (Trong trường hợp cổ đông nội bộ không thực hiện hết số lượng đăng ký, Cổ đông nội bộ phải giải trình nguyên nhân.)*

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐỒNG NỘI BỘ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư/số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người/tổ chức thực hiện giao dịch
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:
5. Mã chứng khoán giao dịch:
6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện quyền mua:
7. Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch:
8. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người có liên quan:
9. Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có):
10. Quan hệ của người/tổ chức thực hiện giao dịch với người có liên quan:
11. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ;
12. Số lượng quyền mua cổ phiếu đăng ký bán/mua:
13. Số lượng quyền mua cổ phiếu đã bán/mua:
14. Số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua:
15. Phương thức giao dịch:
16. Thời gian thực hiện: từ ngày đến ngày.....

* (Trong trường hợp cổ đông nội bộ không thực hiện hết số lượng đăng ký, Cổ đông nội bộ phải giải trình nguyên nhân.).

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số XIII
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Quý./năm....)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:
- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
	Ông/bà...				
				

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

II. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung

III. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: (bao gồm lý do thay đổi)

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:

- Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

V. Các vấn đề cần lưu ý khác

Chủ tịch HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số XIV
THÔNG BÁO GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức)
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại Quỹ đầu tư (hoặc công ty quản lý quỹ):
5. Mã chứng chỉ quỹ giao dịch:
6. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
7. Số tài khoản giao dịch:
8. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán/mua:
9. Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Phương thức thực hiện giao dịch:
11. Mục đích thực hiện giao dịch:
12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số XV
THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

....., ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức)
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại Quỹ đầu tư (hoặc công ty quản lý quỹ):
5. Mã chứng chỉ quỹ giao dịch:
6. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
7. Số tài khoản giao dịch:
8. Số lượng quyền mua chứng chỉ quỹ đăng ký bán/mua:
9. Số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến mua tương ứng với số quyền mua sau khi chuyển nhượng, cho tặng...(*):
10. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ sau khi thực hiện giao dịch:
11. Phương thức thực hiện giao dịch:
12. Mục đích thực hiện giao dịch:
13. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

(*): Là số chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số XVI
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

..., ngày ... tháng... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức)
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại Quỹ đầu tư (hoặc công ty quản lý quỹ):
5. Mã chứng chỉ quỹ giao dịch:
6. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán/mua.
7. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ trước khi thực hiện giao dịch:
8. Số lượng chứng chỉ quỹ đã bán/mua:
9. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Phương thức thực hiện giao dịch:
11. Mục đích thực hiện giao dịch:
12. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....
13. Trường hợp các đối tượng có liên quan không mua/bán hết số lượng chứng chỉ quỹ như đã đăng ký phải giải trình nguyên nhân.

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số XVII

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /

..., ngày ... tháng... năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tên người/tổ chức thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức)
3. Điện thoại liên hệ: Fax:
4. Chức vụ hiện nay tại Quỹ đầu tư (hoặc công ty quản lý quỹ):
5. Mã chứng chỉ quỹ giao dịch:
6. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ trước khi thực hiện giao dịch:
7. Số lượng quyền mua chứng chỉ quỹ đăng ký bán/mua:
8. Số lượng quyền mua chứng chỉ quỹ đã bán/mua:
9. Số lượng, tỷ lệ chứng chỉ quỹ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Phương thức thực hiện giao dịch:
11. Mục đích thực hiện giao dịch:
12. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....
13. Trường hợp các đối tượng có liên quan không mua/ bán hết số lượng chứng chỉ quỹ như đã đăng ký phải giải trình nguyên nhân.

Người báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)